

Số: 02/2010/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 308/TT-STNMT ngày 13 tháng 8 năm 2009 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 127/BC-STP ngày 14 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất ở theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

1. Các phường thuộc thành phố Cà Mau mức tối thiểu là 40m² và mức tối đa là 150 m².
2. Các thị trấn thuộc huyện mức tối thiểu là 48m² và mức tối đa là 200m².
3. Các xã thuộc huyện và thành phố Cà Mau mức tối thiểu là 48m² và tối đa là 300m².

Điều 2. Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao:

1. Trường hợp đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư được sử dụng trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà ranh giới thửa đất ở chưa được xác định trong hồ sơ địa chính hoặc các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai thì diện tích đất ở được xác định bằng năm (05) lần hạn mức đất ở tối đa giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tương ứng với từng khu vực được quy định tại Điều 1 Quyết định này nhưng tổng diện tích không vượt quá diện tích đất ở có vườn, ao mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

2. Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được sử dụng từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất có vườn, ao được xác định theo giấy tờ đó; trường hợp không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất có vườn, ao được công nhận là diện tích đất thực tế đang sử dụng, nhưng diện tích tối đa không vượt quá 300m².

3. Trường hợp thửa đất có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư được sử dụng từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định không quá hạn mức đất tối đa quy định tại Điều 1 của Quyết định này, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 84/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 3. Hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân và hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này được áp dụng trong trường hợp giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đối với mỗi hộ gia đình, cá nhân có đất vườn, ao chỉ được công nhận một lần để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau;
- Website Chính phủ;
- Website Cà Mau;
- Báo Cà Mau;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- LĐVPUBND tỉnh;
- Chuyên viên các khối;
- Lưu: VT, L06/01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Dương Tiến Dũng